

Số: 930 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
“Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn
thị trấn Cao Thượng đi cầu Bể Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 522/TTr-TNMT ngày 21/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bể Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm

¹ Thành lập theo Quyết định số 575/QĐ-TNMT ngày 23/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Tân Yên, UBND các xã: Hợp Đức, Cao Xá, Ngọc Châu, Ngọc Thiện và UBND thị trấn Cao Thượng; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban QLDA ĐTXD các công trình GT, NN tỉnh (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐT.295 ĐOẠN CẦU BẾN TUẦN ĐI THỊ TRẤN
CAO THƯỢNG VÀ ĐOẠN THỊ TRẤN CAO THƯỢNG ĐI CẦU BỈ NỘI,
HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG”
(Kèm theo Quyết định số 930 /QĐ-UBND ngày 23 /8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án đầu tư

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bỉ Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: xã Hợp Đức, xã Cao Xá, xã Ngọc Châu, xã Ngọc Thiện và thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên địa bàn xã Hợp Đức, xã Cao Xá, xã Ngọc Châu, xã Ngọc Thiện và thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án:

Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bỉ Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng chiều dài tuyến khoảng 11,23 km; điểm đầu tại Km31+330,6 (*trùng với lý trình quản lý tại Km31+180 - đầu cầu Bến Tuần phía huyện Tân Yên; đoạn Km31+00 - Km31+180 thuộc phạm vi cầu Bến Tuần, hiện trạng đã được Sở Giao thông vận tải thực hiện sửa chữa khe co giãn và thảm tăng cường mặt đường đường đầu cầu bằng nguồn vốn bảo trì*); điểm cuối tại Km42+555,63 (*lý trình quản lý Km42+500 - cầu Bỉ Nội*). Trong đó, đoạn từ Km31+330,6 đến Km35+00 và đoạn từ Km37+00 đến Km42+555,63 đầu tư theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng với chiều rộng nền đường $B_n=12m$, chiều rộng mặt đường $B_m=11m$ (*bao gồm cả lề gia cố hai bên $2 \times 2,0m=4,0m$*), chiều rộng lề đất $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$; đoạn từ Km35+00 đến Km35+457 thực hiện tăng cường và mở rộng vượt nổi đảm bảo chiều rộng mặt đường 11m phù hợp với hiện trạng và quy mô toàn tuyến; đoạn từ Km37+00 đến Km37+445,52 mặt đường đã đủ đảm bảo chiều rộng tối thiểu 11m theo quy mô cấp III đồng bằng nên chỉ thực hiện thảm tăng cường mặt đường cũ; đoạn đi qua trung tâm thị trấn Cao Thượng giữ nguyên quy mô mặt đường hiện trạng, thực hiện thảm bê tông nhựa tăng cường trên mặt đường cũ để cải thiện điều kiện xe chạy. Các đoạn chạy qua khu vực đông dân cư đầu tư rãnh dọc, bó vỉa. Mặt đường và lề đường gia cố áp dụng loại kết cấu mặt đường mềm cấp cao A1 (*mặt bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm theo TCCS 38-2022/TCĐBVN*). Trên tuyến xây dựng công trình cầu Xi tại

Km40+610 để thay thế cầu cũ với chiều rộng mặt cắt ngang cầu $B_c=12\text{m}$, chiều dài cầu khoảng $L_c=34,1\text{m}$, áp dụng kết cấu cầu BTCT và BTCT DUL, tải trọng thiết kế HL93, đoàn người $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$.

Nội dung đầu tư dự án gồm các hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống thoát nước ngang; công trình cầu và an toàn giao thông trên tuyến. Tổng diện tích xây dựng khoảng 15,65 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống thoát nước ngang, cầu Xi và an toàn giao thông trên tuyến.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 10/NĐ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bi Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang” có tổng diện tích thu hồi đất là 88.850 m², trong đó diện tích đất lúa là 30.000m².

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bi Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 15,65 ha, trong đó: diện tích đất giao thông hiện trạng không phải thu hồi 67.650 m² và diện tích đất cần thu hồi, giải phóng mặt bằng 88.850 m² (gồm: diện tích đất lúa 10.729 m², diện tích đất khác 78.121 m²).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 156.500 m² đất, trong đó: diện tích đất giao thông hiện trạng không phải thu hồi là 67.650 m² và diện tích đất cần thu hồi giải phóng mặt bằng là 88.850 m² (gồm: diện tích đất lúa 10.729 m², diện tích đất khác 78.121 m²)

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật, phá dỡ công trình hiện trạng...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp nền đường; từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng...

++ Từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển chất thải từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng đi đổ thải; vận chuyển nguyên vật liệu san nền; vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng.

++ Từ hoạt động của các máy móc, phương tiện trong quá trình phát quang thảm thực vật, bóc lớp đất hữu cơ, thu dọn mặt bằng; từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng.

++ Từ quá trình thi công lớp móng cấp phối đá dăm;

++ Từ hoạt động thi công lớp tưới nhựa thấm bám và dính bám;

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị, xịt rửa bánh xe,... và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp các hạng mục công trình; từ hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Tác động của bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường.

- Tác động do chất thải rắn phát sinh, bao gồm: chất thải rắn thu gom trong quá trình vệ sinh mặt đường; bùn cặn phát sinh từ công tác nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước của dự án.

- Tác động do nước mưa chảy tràn trên tuyến đường cuốn theo các chất bẩn như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường, xuống hệ thống thoát nước mưa ở hai bên tuyến đường ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước và chất lượng các dòng nước mặt trong khu vực.

- Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông trên tuyến; rủi ro, sự cố về ngập úng và sụt lún nền đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 4 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công từ hoạt động xây lắp (như: trộn bê tông, trộn vữa, rửa dụng cụ, vệ sinh máy móc, thiết bị, xịt rửa bánh xe,...) phát sinh khoảng 2-3 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, dầu mỡ...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn theo đất, cát, dầu mỡ xuống nguồn tiếp nhận xung quanh gây bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp nền đường, từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động bốc xúc nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm,..., với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, nguyên vật liệu xây dựng, đổ thải; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công tưới nhựa thấm bảm, dính bảm và thảm bê tông nhựa nóng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi hữu cơ, VOC.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 1,65 tấn, với thành phần chủ yếu là cây nông nghiệp (lúa, hoa màu,...).

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ, di dời công trình hiện trạng (như: phá dỡ công trình nhà, tường rào, đào móng cột điện, phá dỡ cầu Xi, cống cũ) khoảng 913,98 m³, với thành phần chủ yếu là bê tông thừa, gạch vỡ, vữa, sắt thép,...

- Đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển phát sinh khoảng 0,014 m³/ngày, tương đương 0,017 tấn/ngày.

- Đất đào phát sinh từ dự án khoảng 59.535,4 m³, trong đó: đất đào tận dụng lại cho dự án khoảng 41.732 m³; đất đào dư thừa vận chuyển ra khỏi dự án khoảng 17.803,4 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh khoảng 0,94 tấn/ngày, với thành phần chủ yếu là đầu mẫu sắt thép thừa, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa,...

* Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (như: giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, vỏ can dầu bôi trơn, thùng đựng dầu thải,...) khoảng 15 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu,....

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến hệ thống giao thông hiện trạng và giao thông khu vực; tác động đến hệ thống cấp thoát nước...

- Tác động do sự cố an toàn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố mưa bão kéo dài gây ngập úng; sự cố sạt lở bờ sông khu vực thi công cầu Xi; sự cố sập, đổ cầu; sự cố cháy nổ;...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy trên bề mặt dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn tích tụ vào hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến đường có thể gây tắc nghẽn dòng chảy, ngập úng cục bộ trong khu vực.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO₂,...

3.2.2. Chất thải rắn:

Chất thải rắn thu gom trong quá trình vệ sinh mặt đường và bùn cặn phát sinh từ công tác nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa của công trình, với thành phần chủ yếu là lá cây rụng, giấy, gỗ vụn, bùn cặn...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể do quá trình vận hành của dòng xe trên tuyến đường dự án

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội của khu vực

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông, ngập úng, sụt lún nền đường...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại các vị trí thích hợp trong công trường. Nhà vệ sinh di động được thiết kế với bể chứa chất thải dung tích 01 m³/bể để lưu chứa chất thải. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh di động không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công:

- Quy hoạch khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong quá trình thi công. Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Bố trí từ 2 đến 3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe: Trên tuyến bố trí 02 vị trí, mỗi vị trí xây dựng 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 03 m³/hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến thu gom và thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời được bố trí dọc 02 bên tuyến để thoát nước mặt đường xuống vị trí thấp hơn ở 02 bên, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Bố trí các hố lắng trong khu vực thi công kết hợp hệ thống rãnh đất theo hướng dốc của mặt bằng và bố trí tại mỗi khu vực khác nhau nhằm tăng khả năng tiêu thoát khi thời tiết mưa kéo dài.

- Việc sử dụng rãnh đất, kết hợp hố lắng sẽ được điều chỉnh phù hợp vào thời điểm thi công sao cho tiêu thoát triệt để nước mưa, hạn chế ngập úng cục bộ. Đồng thời kết hợp vạch tuyến cùng quá trình xây dựng hoàn trả kênh mương ở giai đoạn tiếp theo đảm bảo khả năng kết nối.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tiến hành phun ẩm lên công trình trước, trong khi phá dỡ. Dùng các vòi phun nước để phun lên các vị trí máy đục, máy búa làm việc, cũng như toàn bộ khu vực phá dỡ. Thực hiện phá dỡ nhanh, gọn, theo nguyên tắc phá đến đâu làm sạch ngay đến đó, phế thải được xúc bốc ngay lên xe ô tô vận chuyển đi đổ thải tại nơi quy định.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Bụi phát sinh trong quá trình xây dựng được giảm thiểu đến mức thấp nhất bằng các giải pháp như: Trang bị 01 xe tưới nước có dung tích bồn chứa 05 m³, công tác tưới ẩm nước thực hiện thường xuyên trong ngày, tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đổ thải trên khu vực tuyến đường vận chuyển trong phạm vi bán kính 01km, tưới ẩm trên khu vực thi công xây dựng với tần suất 2-4 lần/ngày (trừ những ngày trời mưa) và tăng tần suất lên 4-6 lần/ngày trong những ngày hanh khô, nắng nóng.

- Bố trí cầu rửa xe trên công trường xây dựng tại vị trí thích hợp, đảm bảo xe chở nguyên vật liệu, đất đá thải ra khỏi công trình phải được rửa sạch bánh, thân xe, che bạt thùng xe mới được lưu hành trên đường.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân (như: khẩu trang, kính mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ lao động...) và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc. Bố trí công nhân thu gom đất, đá rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Đối với bụi từ quá trình thi công lớp móng cấp phối đá dăm:

- + Hoàn thành dứt điểm theo hình thức thi công cuốn chiếu, khống chế việc lộ mặt đường cấp phối kéo dài để không gây tác động đến môi trường không khí do việc phát tán bụi vào mùa khô ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trên công trường và các nhà dân gần dự án.

- + Thực hiện phun nước tưới ẩm trong quá trình trải cấp phối đá dăm, với tần suất khoảng 5-6 lần/ngày, đặc biệt vào những ngày có thời tiết khô hanh.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động tưới nhựa thấm bảm, dính bảm và rải thảm bê tông nhựa nóng:

- + Tiến hành quét dọn mặt đường, thu gom bùn đất rơi vãi, trước khi thực hiện công tác thổi bụi bằng máy thổi bụi. Khi đi qua khu đông dân cư cần hạn chế thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ từ từ, chọn thời điểm ít người qua lại để thi công thổi bụi mặt đường; tiến hành phun nước khoanh vùng hạn chế bụi khuếch tán rộng. Thổi bụi xuôi theo chiều gió và dùng kỹ thuật để giảm thiểu khả năng phát tán bụi đi xa.

- + Trước khi rải lớp bê tông nhựa cần làm sạch, bằng phẳng và làm khô lớp móng, tưới nhựa thấm bảm trên mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng. Tránh thi công rải nhựa vào các giờ cao điểm đông người đi lại nhằm giảm thiểu mùi, nhiệt trong quá trình thi công đến người tham gia giao thông.

4.1.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- * Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- * Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân có đất thu gom toàn bộ cây trồng trên đất, tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Phần thực bì còn lại cần thải bỏ, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất, đá rơi vãi trên đường vận chuyển. Tận dụng đất, đá rơi vãi làm nguyên liệu san lấp mặt bằng ngay tại dự án.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ, di dời công trình hiện trạng được phân loại và xử lý như sau:

+ Chất thải từ phá dỡ di dời đường điện: Phần thân cột điện, đường dây điện thu hồi về kho điện lực để tận dụng lại cho các dự án khác hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua.

+ Chất thải phá dỡ có khả năng tái chế (như: sắt thép,...) được thu gom, sau đó bán cho các đơn vị thu mua, tái chế.

+ Các loại chất thải không có khả năng tái chế (như: bê tông, gạch vỡ,...) từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng được thu gom và vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án.

+ Đất đào phát sinh từ dự án khoảng 59.535,4 m³, trong đó: đất đào tận dụng đắp nền đường, đắp gia cố, tăng cường bờ taluy đường của dự án khoảng 41.732 m³; đất đào dư thừa khoảng 17.803,4 m³ vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án. Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan đối với trữ lượng đất đào tận dụng làm vật liệu đắp nền tại dự án và các công trình, dự án khác (nếu có) trước khi tiến hành thi công tại thực địa.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các loại chất thải có thể tái chế (như: sắt thép, giấy vụn, bìa carton,...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các loại chất thải không tái chế (như: vữa, bê tông thừa,...) được vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án.

(Dự án dự kiến bố trí 03 bãi đổ thải tại 03 địa điểm sau: (1) Khu hồ nhà văn hoá thôn Lục Liễu Dưới, xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, với diện tích đổ thải 2.000 m², chiều cao cho phép đổ thải 2,0 m, khối lượng đổ thải 4.000 m³, khoảng cách từ dự án đến bãi đổ thải 500m. (2) Khu nhà văn hoá thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, với diện tích đổ thải 5.000 m², chiều cao cho phép đổ thải 1,5 m, khối lượng đổ thải 7.500 m³, khoảng cách từ dự án đến bãi đổ thải 500 m. (3) Thôn Trại Rừng - Chè, xã Ngọc Thiệp, huyện Tân Yên, với diện tích đổ thải 5.000 m², chiều cao cho phép đổ thải 1,5m, khối lượng đổ thải 7.500 m³, khoảng cách từ dự án đến bãi đổ thải 4,5 km).

4.1.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng phi có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa CTNH sẽ dán nhãn tên, mã CTNH. Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 5m² trong khu vực công trường (kho chứa CTNH: nền xi măng, mái lợp phibro xi măng, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định (tần suất 01 lần sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện bổ sung dầu mỡ bôi trơn định kỳ vào các bộ phận chuyển động.

- Những máy móc, thiết bị gây ra tiếng ồn, độ rung lớn trong quá trình thi công (như: máy đầm, máy xúc) chỉ được phép làm việc vào ban ngày, trừ giờ nghỉ trưa.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phân luồng giao thông, lắp biển chỉ dẫn, biển cảnh báo công trường đang thi công.

- Tiến hành nạo vét khi có hiện tượng bồi lắng, ngập úng để tiêu thoát nước kịp thời. Gia cố chắc chắn móng cống thoát nước.

- Thường xuyên tuyên truyền về nội quy, biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng nhằm hạn chế thấp nhất tai nạn lao động.

- Khi thi công cầu bố trí làm đường tạm để người dân lưu thông và bố trí cán bộ chỉ dẫn phân luồng cho người tham gia giao thông.

- Thi công cầu theo đúng thiết kế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Thi công đường đảm bảo dốc mái taluy theo thiết kế, tận dụng đất đào để đắp mái taluy.

- Khu vực kho chứa xăng dầu có biển báo cấm lửa, ngoài kho có bình bọt chữa cháy.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với nước mưa chảy tràn

Thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông rãnh thoát nước, hố ga thoát nước (tần suất khoảng 03 tháng/lần).

4.2.1.2. Đối với bụi, khí thải

Thường xuyên thu gom rác thải dọc lề đường, thực hiện phun nước giảm thiểu bụi phát tán trên bề mặt đường và hạn chế bụi cuốn theo phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường không khí.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

- Thường xuyên tuyên truyền, yêu cầu người dân không vứt rác sinh hoạt ra lòng đường; đồng thời, lắp đặt các biển cấm vứt rác, đổ rác ra nơi công cộng dọc 02 bên lề đường.

- Bố trí các thùng rác công cộng dọc tuyến nhằm khuyến khích người dân không vứt rác bừa bãi xuống đường.

- Định kỳ 03 tháng/lần, đơn vị tiếp nhận, quản lý và vận hành tuyến đường tổ chức phát động công tác vệ sinh môi trường tiến hành phát quang thực vật, dọn dẹp vệ sinh mặt đường và hai bên lề đường.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ, sử dụng còi của phương tiện giao thông khi đi qua khu đông dân cư.

4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa mặt đường, nền đường. Công tác này được thực hiện thường xuyên trong suốt thời kỳ khai thác nhằm khắc phục nhanh nhất những hư hỏng đảm bảo tuyến đường luôn hoạt động tốt.

- Khi xảy ra sự cố sụt lún mặt đường, đơn vị tiếp nhận, quản lý và vận hành tuyến đường phối hợp với các đơn vị liên quan để thông báo đến người tham gia giao thông nhằm đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông, xác định nguyên nhân và khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa, hồ ga dọc tuyến để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

* Không khí làm việc

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm đầu hướng gió; 01 vị trí tại điểm cuối hướng gió tại khu vực thi công (các vị trí giám sát sẽ được thay đổi trong phạm vi từng đoạn tuyến để phù hợp với quá trình thi công).

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02: 2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra

môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 522/TTr-TNMT ngày 21/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.